



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI SÀI GÒN**

NĂM BÁO CÁO: 2011

I- Lịch sử hoạt động của Công ty:

1- Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của công ty là Công ty Đại lý vận tải Miền Nam, chính thức thành lập theo quyết định số 180/QĐ-BGTVT ngày 10/3/1976 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, sau đổi thành Công ty Dịch vụ vận tải Sài Gòn.

+ Với những nỗ lực và thành tựu đã đạt được trong quá trình hoạt động và phát triển, tập thể và cá nhân cán bộ công nhân viên của công ty đã được Chủ tịch nước tặng thưởng: 01 Huân chương lao động Hạng Nhất, 02 Huân chương lao động Hạng Ba, và nhiều lần được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, cờ luân lưu của Bộ Giao thông vận tải.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty Dịch vụ vận tải Sài Gòn được cổ phần hoá chuyển thành Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn theo quyết định số 3257/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Giao thông vận tải và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003977 ngày 27 tháng 10 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 11 năm 2011.

+ Niêm yết: Giao dịch UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 30 tháng 3 năm 2010. Mã chứng khoán giao dịch là **STS**.

+ Vốn điều lệ hiện nay là: 27.682.210.000 đồng

2- Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải đa phương thức quốc tế.
- Vận tải hàng hóa thông thường, hàng siêu trường, siêu trọng, hàng hóa bằng container, hàng hóa quá cảnh cho Lào, Campuchia và các nước trong khu vực.
- Vận tải đường thủy.
- Vận tải đường bộ, đường ống.
- Dịch vụ vận tải giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước.
- Kinh doanh khai thác cảng biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; hoạt động kho bãi.
- Dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ vệ sinh tàu biển.
- Đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển và dịch vụ môi giới hàng hải.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành giao thông vận tải.
- Kinh doanh các hoạt động phụ trợ cho vận tải.
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.
- Sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí, sản phẩm công nghiệp khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đất hoặc đi thuê.

+ Tình hình hoạt động: Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty ổn định và phát triển, có đủ khả năng sẵn sàng thực hiện vận chuyển, bốc xếp hàng siêu trường, siêu trọng và các loại thiết bị, hàng hoá khác cho các công trình trọng điểm, các dự án lớn trong tương lai.

3- Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về giao thông vận tải và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp cho ngân sách nhà nước, xây dựng và phát triển công ty thành một doanh nghiệp mạnh, có quy mô lớn tại Việt Nam, có khả năng cạnh tranh trên thương trường quốc tế.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Ổn định hoạt động kinh doanh của công ty, phát huy hết những khả năng sẵn có như đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm, năng động, có tinh thần trách nhiệm và sự đoàn kết gắn bó giữa trong lĩnh vực vận chuyển, bốc xếp các thiết bị siêu trường, siêu trọng, đầu tư mở rộng quy mô sản xuất của hoạt động khai thác cảng biển, cho thuê kho bãi theo quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ để phát triển công ty ngày càng lớn và xây dựng thương hiệu **TRANACO** ngày càng vững mạnh.

II- Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1- **Những nét nổi bật của kết quả hoạt động kinh doanh trong năm:** (lợi nhuận, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm cuối năm)

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2011	NĂM 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.981.391.400	88.094.849.642
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.981.391.400	88.094.849.642
4	Giá vốn hàng bán	61.395.008.818	68.936.331.880
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.586.382.582	19.158.517.762
6	Doanh thu hoạt động tài chính	463.104.500	965.727.698
7	Chi phí tài chính	564.739.759	371.372.191
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.421.602.473	9.950.088.633
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.936.855.150)	9.802.784.636
11	Thu nhập khác	516.814.237	233.512.268
12	Chi phí khác	125.294.084	2.768.820
13	Lợi nhuận khác	391.520.153	230.743.448
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.545.334.997)	10.033.528.084
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.484.716.501
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.386.333.750	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.159.001.247)	7.548.811.583
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-(2.639)	3.210

Đặc điểm nổi bật về tình hình tài chính của công ty trong năm 2011 là: sự thiếu hụt vốn trầm trọng cho sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác của công ty. Chưa có lúc nào tình hình tài

chính của công ty lại mất cân đối và khó khăn như năm 2011 do tồn tại của thanh toán công nợ năm 2010 chuyển sang. Tính đến 31/12/2011, khách hàng còn nợ công ty trên 41 tỷ đồng, đồng thời công ty còn nợ các đối tác trên 21 tỷ đồng, việc phải thu, phải trả các khoản nợ nói trên tiềm ẩn nhiều rủi ro, tác động trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm và có thể kéo dài tới năm sau.

2- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Doanh thu	75.000.000.000	75.981.391.400	101,31 %
2	Lợi nhuận trước thuế	10.000.000.000	(9.545.334.997)	

Trong năm 2011 cán bộ công nhân viên công ty đã có nhiều nỗ lực và hoàn thành tốt chỉ tiêu doanh thu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011 giao cho. Tuy nhiên kết quả lợi nhuận chưa thực hiện được. Nguyên nhân dẫn đến việc chưa thực hiện này là: trong năm 2011 công ty đã phải áp dụng biện pháp trích lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền là 15,4 tỷ đồng, khoản chi trả trợ cấp cho người lao động do sắp xếp cải tổ bộ máy tổ chức, lao động là 300 triệu đồng, khoản chi phí do đánh giá lại tỷ giá của khoản nợ ngoại tệ phải trả cho Cty Yuan Cherng Holding Pte.Ltd là 421 triệu đồng từ đó làm cho chi phí tăng và dẫn đến kết quả kinh doanh bị lỗ 9,5 tỷ đồng. Nếu không tính phần chi phí trích lập dự phòng cho khoản công nợ phải thu khó đòi nói trên thì kết quả hoạt động kinh doanh còn lãi là 6,7 tỷ đồng.

3- Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Trong năm 2011 có sự thay đổi về nhân sự của Hội đồng quản trị công ty cụ thể:

- Ông Ngô Ngọc Tôn thôi không còn là thành viên Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2008 – 2013);

- Ông Lê Chí Vũ giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/01/2011 nhiệm kỳ II (2008 – 2013);

- Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc (thành viên SCIC) được bầu cử bổ sung là thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2008 – 2013) từ ngày 02/6/2011.

Hoàn tất các thủ tục giải thể văn phòng đại diện của công ty tại Đà Nẵng trong tháng 6 năm 2011..

Sắp xếp củng cố lại bộ máy tổ chức và lao động tại XN Vận tải và Giao nhận cho phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh hiện nay.

Rà soát và cho thanh lý, nhượng bán các tài sản phương tiện vận tải không còn phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh để thu hồi vốn.

Thực hiện xong việc chuyển nhượng vốn đầu tư cũng như thu hồi xong toàn bộ vốn, lợi nhuận được chia từ Cty TNHH KCTC Việt Nam.

Ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty được áp dụng kể từ 01/01/2012.

4- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

- Với sự tăng trưởng và phát triển của hoạt động xuất nhập khẩu và quy hoạch phát triển của ngành giao thông vận tải trong lĩnh vực hàng hải, tiềm năng phát triển ngành hàng hải nói chung và khai thác cảng biển nói riêng là rất lớn, ngoài ra Việt Nam đang triển khai các chính sách mở cửa thu hút nhà đầu tư nước ngoài đến xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, chính sách xây dựng và phát triển nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng để phát triển ngành công nghiệp tại Việt Nam. Với

quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ về việc di dời cảng Tân Thuận Đông hiện nay sang khu vực Hiệp Phước có diện tích mặt bằng lớn gấp 7 lần với diện tích của cảng hiện tại sẽ tạo cho Công ty nhiều triển vọng trong việc mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh và là điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh vận tải, giao nhận, bốc xếp ngày càng phát triển lớn hơn. Với mục tiêu chủ yếu đề ra của Công ty trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, ngày nay đã và đang tạo cho Công ty có nhiều thuận lợi hơn trong việc nắm giữ được những khách hàng truyền thống, tăng thêm sản lượng vận chuyển, bốc xếp, giao nhận giữ hoạt động kinh doanh doanh được ổn định và còn mở rộng thêm như vận chuyển, bốc xếp, giao nhận thiết bị cho các dự án mới được đầu tư tại Việt Nam cụ thể là dự án nhà máy sản xuất điện từ năng lượng gió tại huyện Tuy Phong tỉnh Bình Thuận, qua đó tạo thêm thương hiệu và uy tín cho công ty ngày càng được nhiều nhà đầu tư quan tâm cũng như đặt vấn đề thực hiện các dự án tương tự trong tương lai.

- Định hướng sản xuất kinh doanh của công ty từ năm 2012 đến năm 2013 là:

- Doanh thu: tăng bình quân hàng năm trên 7%.
- Lợi nhuận: từ 8 - 15% / doanh thu
- Cổ tức: Bình quân hàng năm từ 10% đến 15%.
- Tiền lương của người lao động: tăng bình quân hàng năm 5%.

5- Các biện pháp chủ yếu:

- Tiếp tục củng cố quan hệ với khách hàng truyền thống, mở rộng và khai thác nguồn hàng mới, đặc biệt trong lĩnh vực hàng siêu trường, siêu trọng. (Phong điện)

- Sắp xếp và củng cố lại bộ máy tổ chức và lao động.

- Tiếp tục sửa chữa, cải tạo nâng cấp kho, bãi chứa hàng, mua 1 xe tải cầu (10 tấn)

- Tiết kiệm, tinh giảm chi phí sản xuất, giảm chi phí thuê ngoài.

- Kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên cho hoãn chi trả cổ tức của năm 2010. Việc chi trả cổ tức sẽ được thực hiện ngay sau khi công ty đã thu hồi được khoản công nợ khó đòi và thực hiện xong nghĩa vụ chi trả cho các đơn vị bên ngoài đã cung cấp dịch vụ vận chuyển, bốc xếp hàng cho Công ty.

III- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

1- Báo cáo tình hình tài chính:

a- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	NĂM 2010	NĂM 2011
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	23,93	21,66
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	76,07	78,34
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	48,39	56,68
	Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	51,61	43,32
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,55	1,40
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,73	1,54
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	8,47	(9,56)
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	8,57	(9,42)
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	16,41	(22,07)

b- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Mã số	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 31/12/2011
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	67.809.967.765	58.654.165.797
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.198.603.626	2.570.166.831
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	52.926.370.695	48.412.801.102
4	Hàng tồn kho	140	6.876.884.693	5.183.823.943
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	3.808.108.751	2.487.373.921
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	21.329.783.104	16.218.341.788
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	0	0
2	Tài sản cố định	220	17.452.848.471	12.999.328.609
2.1	Tài sản cố định hữu hình	221	17.452.848.471	12.999.328.609
a	Nguyên giá	222	63.833.621.273	64.484.909.091
b	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(46.380.772.802)	(51.485.580.482)
2.4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0
3	Bất động sản đầu tư	240		0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1.472.000.000	0
5	Tài sản dài hạn khác	260	2.404.934.633	3.219.013.179
A	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	89.139.750.869	74.872.507.585

III	NỢ PHẢI TRẢ	300	43.130.315.730	42.440.756.877
1	Nợ ngắn hạn	310	39.262.789.961	38.173.556.877
2	Nợ dài hạn	330	3.867.525.769	4.267.200.000
IV	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	46.009.435.139	32.431.750.708
1	Vốn chủ sở hữu	410	46.009.435.139	32.431.750.708
1.1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	27.682.210.000	27.682.210.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	412	3.739.082.602	3.739.082.602
1.3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		
1.4	Cổ phiếu quỹ (*)	414	(515.226.000)	(515.226.000)
1.5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
1.6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
1.7	Quỹ đầu tư phát triển	417	320.394.033	1.081.393.353
1.8	Quỹ dự phòng tài chính	418	7.172.981.307	7.172.981.307
1.9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
1.10	Lợi nhuận chưa phân phối	420	7.609.993.197	(6.728.690.554)
1.11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	0	0
2.2	Nguồn kinh phí	432		
2.3	Nguồn kinh phí để hình thành TSCĐ	433		
B	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	89.139.750.869	74.872.507.585

c- Những biến động, nguyên nhân dẫn đến biến động thay đổi so với dự kiến:

Với những khó khăn đã nêu ở phần trên cũng là lời giải thích cho việc biến đổi so với những dự kiến của kế hoạch kinh doanh mà Công ty đã đề ra trong năm 2011.

d- Tình hình tài chính của công ty đang mất cân đối nghiêm trọng giữa các khoản phải thu ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn, công ty để khách hàng chiếm dụng vốn quá nhiều, tổng số dư nợ phải thu khách hàng tồn đến ngày 31/12/2011 là 63 tỷ, trong đó khách hàng công ty CP đầu tư hạ tầng kinh doanh đô thị nợ 18,7 tỷ đồng, khách hàng công ty TNHH Một thành viên UBI nợ 22,6 tỷ đồng làm cho tình hình tài chính của công ty hiện nay đang gặp nhiều khó khăn.

2- Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp:

a- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

Cổ phiếu thường:

2.768.221 cổ phiếu;

Không có cổ phiếu ưu đãi.

b- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có

c- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

2.744.257 cổ phiếu phổ thông

d- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại:

23.964 cổ phiếu phổ thông

e- Không có cổ đông góp vốn nước ngoài.

3- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

a- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, bố trí đúng người, đúng việc.
- Giải quyết thoả đáng kịp thời đúng luật các chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty.
- Công tác quản lý đang dần cải tiến ở từng bộ phận nhằm nâng cao hiệu quả, tăng năng suất, thực hiện việc tiết kiệm và chế độ thưởng phạt kịp thời.

b- Sáng tạo trong việc cải tiến kỹ thuật về phương tiện vận chuyển để đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hoá siêu trường, siêu trọng như đầu tư gia công các dầm nổi trailer để vận chuyển toàn bộ 15 cụm cánh quạt, turbine và rotor của cột phong điện thuộc dự án nhà máy Điện Phong 1, Tỉnh Bình Thuận của chủ đầu tư công ty TNHH Một thành viên Tháp UBI

c- Các biện pháp kiểm soát:

Thông qua các quy chế phổ biến đến từng người lao động, đoàn thể, ban ngành trong công ty và Ban Kiểm soát là những cơ sở giám sát đối với các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban quản lý và điều hành công ty để thực hiện đúng với nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh của công ty năm 2012 và những năm tới, công ty cần thực hiện các biện pháp sau:

- Tích cực thu hồi công nợ nhất là khoản nợ lâu ngày để đảm bảo vốn cho kinh doanh,
- Liên hệ với các cơ quan, ban ngành có thẩm quyền để sớm thực hiện việc di dời cảng Tân Thuận Đông hiện hữu sang khu công nghiệp Hiệp Phước nhằm ổn định sản xuất,
- Cần tiết kiệm chi phí kinh doanh hơn nữa, tổ chức sắp xếp và ổn định cơ cấu bộ máy SXKD gọn nhẹ hơn để nâng cao lợi nhuận cho công ty,
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào công ty,

- Tăng cường công tác tiếp thị, mở rộng hợp tác với các đối tác khác trong và ngoài nước để tăng thêm khả năng cạnh tranh, đáp ứng và làm thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng với giá thành dịch vụ hợp lý, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng tốt nhất, thu hút được nhiều khách hàng mới, mở rộng thị phần bằng uy tín.

IV- Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam”

V- Các Công ty có liên quan:

- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước SCIC (cổ đông nhà nước) nắm giữ: 1.429.226 cổ phần; tương đương 51,63% vốn điều lệ hiện hữu.

VI- Tổ chức và nhân sự:

a- Cơ cấu tổ chức của Công ty: gồm có:

- Trụ sở chính – văn phòng công ty: đặt tại 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Cảng Tân Thuận Đông: đặt tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh.
- XN Vận tải và Giao nhận: cùng văn phòng công ty 19-21-23 Phạm Viết Chánh, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Công ty tại Hà Nội: đặt tại phòng 903B M3-M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, TP.Hà Nội.
- Các phòng ban chức năng nghiệp vụ như: Kế toán tài vụ, Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch thương vụ.

b- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong ban Tổng Giám đốc:

- Ông Hồ Sỹ Dũng, Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Cảng Tân Thuận Đông kể từ ngày 01/01/2011.
- Ông Nguyễn Công Đoàn, Phó Tổng Giám đốc. Thôi kiêm giữ chức vụ Giám đốc XN Vận tải và Giao nhận kể từ ngày 01/9/2011, phụ trách công tác khai thác hàng hoá, thu hồi công nợ.

c- Tổng số lao động toàn Công ty: 128 người.

VII- Thông tin cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị Công ty:

a. Hội đồng quản trị:

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 28 tháng 04 năm 2011, nhân sự Hội đồng quản trị của công ty thay đổi như sau:

- Ông Ngô Ngọc Tôn thôi giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ II (2008-2013),
- Bầu cử bổ sung Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc là thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn nhiệm kỳ II (2008-2013).
- Tại thời điểm 31/12/2011, Hội đồng quản trị công ty gồm có 5 thành viên
 - Được quyền biểu quyết theo số lượng cổ phần như sau:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Đại diện	Thường trú
1	Lê Chí Vũ	1949	Chủ tịch HĐQT	10,52%	TP.HCM
2	Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	1949	Phó Chủ tịch HĐQT	31,63%	TP.HCM
3	Hồ Sỹ Dũng	1959	Ủy viên	20,72%	TP.HCM
4	Nguyễn Công Đoàn	1956	Ủy viên	2,23%	TP.HCM
5	Trần Đắc Long	1955	Ủy viên	0,35%	TP.HCM

- Số lượng cổ phần sở hữu như sau:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	CP Sở hữu	Tỷ lệ %
1	Lê Chí Vũ	1949	Chủ tịch HĐQT	14.245	0,52%
2	Hồ Sỹ Dũng	1959	Ủy viên	296.823	10,72%
3	Nguyễn Công Đoàn	1956	Ủy viên	61.724	2,23%
4	Trần Đắc Long	1955	Ủy viên	9.761	0,35%

b. Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Thường trú
1	Trần Thị Kim Lợi	1958	Trưởng ban	TP.HCM
2	Trần Thị Hạnh	1963	Ủy viên	TP.HCM
3	Lưu Hoài Nam	1984	Ủy viên	TP. Thái Bình

- Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát: theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của công ty cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn.

c. Trong năm 2011 có sự biến động về việc chuyển nhượng cổ phiếu liên quan đến Ông Hồ Sỹ Dũng, thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện việc mua thêm 246.311 cổ phần từ các cổ đông khác chuyển nhượng.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2012

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Website Công ty;
- Lưu



LÊ CHÍ VŨ